TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **289**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 348/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Minh A, sinh năm 1989

CCCD số 001089013127 do Bộ C2 cấp ngày 26/01/2026.

Nơi thường trú: Tổ A phường L, thành phố Hà Nội.

2. Chị Phạm Lan A1, sinh năm 1990

CCCD số 0001190006546 do Cục C3 về TTXH cấp ngày 10/05/2021; Nơi thường trú: Tổ C, cụm D, phường K, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh A và chị Phạm Lan A1 cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Minh A và chị Phạm Lan A1 xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 18/11/2013 và cháu

Nguyễn Ngọc Minh C1, sinh ngày 27/5/2021. Anh, chị thoả thuận sau khi ly hôn giao giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh C và cháu Nguyễn Ngọc Minh C1 cho mẹ là chị Phạm Lan A1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị Phạm Lan A1 số tiền 8.000.000 đồng/tháng (Tám triệu đồng/01 tháng), kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Minh A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Anh Nguyễn Minh A và chị Phạm Lan A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Minh A và chị Phạm Lan A1 không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Minh A và chị Phạm Lan A1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0006280 ngày 17/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Phòng THADS khu vực 2 - thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI
Thẩm phán

Lê Thị Thu Hường

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 2 - thành phố Hà Nội;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TAND KHU VỰC 2
JZQ010426.TL.QDBA
1210